

TRƯỜNG THPT HỒ THỊ BÌ

DANH SÁCH HỌC SINH PHẢI KIỂM TRA LẠI VÀ ĐĂNG KÝ MÔN KIỂM TRA LẠI NĂM HỌC 2020 - 2021

Stt	Lớp	Họ và tên		Kết quả cả năm 2020 - 2021													Điểm	Xếp loại CN		Điểm	XL sau thi lại	KQ sau kiểm
				Toán	Lý	Hóa	Sinh	Tin	Văn	Sử	Địa	AV	CD	CN	TD	QP	TBCN	HL	HK	TBCN	HL	tra lại
1	10A2	Trần Bảo	Quý	5.9	6.7	5.7	6.6	6.8	5.9	4.7	5.6	1.4	8.3	8.4	Đ	9.4	6.5	Y	K	6.3	Kém	Ở lại lớp
2	10A3	Nguyễn Khánh	Đạt	5	4.7	4.2	5.2	6.3	5.8	4	5.1	3.7	6.4	8.2	Đ	8.7	5.4	Y	Tb	5.6	Tb	Được lên lớp
3	10A4	Trần Nguyễn Chí	Thiện	2.5	4	4.8	4.6	5.5	5.8	4.9	5.6	4.4	5.8	6	Đ	7.1	5	Y	Tb	5.1	Y	Ở lại lớp
4	10A5	Văn Công Quốc	Bình	4.5	4.7	3.6	5	6.5	3.6	1.3	5.2	5.2	6.4	7.4	Đ	7.8	5.3	Y	K	5.1	Kém	Ở lại lớp
5	10A5	Nguyễn Hoàng Minh	Đức	3	4.8	4.3	5.2	6.3	3.5	3.5	4.8	4	7.2	7	Đ	8	5.2	Y	K	5.1	Y	Ở lại lớp
6	10A5	Nguyễn Lê	Phú	1	3.7	4.2	5	7.1	4.3	4.3	5.8	4	7.4	7	Đ	7.5	5.3	Y	Tb	5.1	Kém	Ở lại lớp
7	10A5	Đỗ Minh	Sang	2.3	4.7	3	6.1	7.3	4.1	4.5	4.9	6	7.6	8	Đ	8.1	5.6	Y	K	5.6	Y	Ở lại lớp
8	10A5	Lưu Đức	Trí	3.5	4.8	4.3	5.6	5.8	4.5	4.8	5.4	7.2	7.2	7.3	Đ	7.4	5.5	Y	Tb	5.7	Tb	Được lên lớp
9	10A6	Bùi Phạm Trung	Kiên	4.7	4.6	4.3	4.8	5.4	5.9	3.8	4.6	3.6	8.2	6	Đ	7.9	5.2	Y	Tb	5.3	Tb	Được lên lớp
10	10A6	Đoàn Đức	Mạnh	0.8	5.4	4.2	5.9	6.3	5.4	6.6	5.5	3.7	7.7	8.4	Đ	8.1	5.9	Y	K	5.7	Kém	Ở lại lớp
11	10A6	Tô Chí	Sang	2.8	4	4.1	4.5	6.3	5.6	3.7	4.4	4.3	7.8	7.5	Đ	7.7	5.3	Y	K	5.2	Y	Ở lại lớp
12	10A7	Nguyễn Văn	Huy	4.6	4.4	3.7	4	5.3	5.1	3.5	5.3	2.9	5.6	6.7	Đ	7.7	4.8	Y	K	4.9	Y	Ở lại lớp
13	10A7	Lê Xuân	Huyền	4.5	4	3.5	6	5.9	5.6	5.3	2.8	3.6	6.1	7.6	Đ	9.2	5.4	Y	Tb	5.3	Y	Ở lại lớp
14	10A7	Lê Nguyễn Bình	Phương	3.6	3.5	3.5	3.6	5.6	5	5	4	2.8	5	6.3	Đ	7.4	4.6	Y	K	4.6	Y	
15	10A7	Nguyễn Thành	Trung	4.8	5.3	5	6.4	6.4	5.4	6.5	6.4	1.8	7	7.1	Đ	7.9	6	Y	K	5.8	Kém	Ở lại lớp
16	10A7	Nguyễn Hoàng Minh	Nhật	5.7	4.9	3.7	4.5	5.2	4.9	4.6	3.7	2.4	6	7.2	Đ	8.6	5.2	Y	Tb	5.1	Y	Ở lại lớp
17	10A8	Nguyễn Lam	Anh	2.5	5.5	5.7	5.9	4.9	6	6.9	5.1	4.6	7.6	6.5	Đ	7.4	5.7	Y	Tb	5.7	Y	Ở lại lớp
18	10A8	Phan Gia	Bảo	4.1	6	5	5.2	7.9	6	6	4.7	4.7	7.7	7.5	Đ	8.6	6	Y	K	6.1	Tb	Được lên lớp
19	10A8	Nguyễn Phúc Hải	Đăng	4.3	6.6	5.4	5.3	7.2	5.6	4.4	4.8	4.3	6.2	7.3	Đ	8	5.6	Y	K	5.8	Tb	Được lên lớp
20	10A8	Huỳnh Lưu Thanh	Ngọc	0.8	4.7	3	2.5	6.5	5	3.6	3.9	5.8	7.2	5.7	Đ	7.8	4.9	Y	Tb	4.7	Kém	Ở lại lớp
21	10A9	Đỗ Lộc Gia	Bảo	4.3	3.5	4.5	4	4.7	4	5.4	4.4	6	5.6	7.6	Đ	7.8	4.9	Y	K	5.2	Tb	Được lên lớp
22	10A9	Nguyễn Gia	Huy	5.4	5.8	4.3	4.4	5.3	4.3	4.7	6.3	6	7.3	7.5	Đ	7.8	5.5	Y	K	5.8	Tb	Được lên lớp
23	10A10	Nguyễn Thanh	Son	4.3	5.3	4.2	6.9	7.8	4.3	7	4	5.8	6.7	6.4	Đ	7.4	5.5	Y	Tb	5.8	Tb	Được lên lớp

Stt	Lớp	Họ và tên		Kết quả cả năm 2020 - 2021													Điểm	Xếp loại CN		Điểm	XL sau thi lại	KQ sau kiểm tra lại
				Toán	Lý	Hóa	Sinh	Tin	Văn	Sử	Địa	AV	CD	CN	TD	QP	TBCN	HL	HK	TBCN	HL	
24	10A10	Lê Anh	Thư	0.5	4	0.3	5.3	6.3	5.8	4.2	3.7	6	6.3	7.7	Đ	7.9	5.3	Y	K	4.8	Kém	Ở lại lớp
25	10A10	Phạm Võ Xuân	Trường	3.8	4.7	5.3	7.2	5.6	5.6	5.5	4.8	1.9	6.5	7.8	Đ	8.3	5.7	Y	K	5.6	Kém	Ở lại lớp
26	10A11	Phạm Văn	Hòa	5.6	5	6	3.8	7.4	3.9	1.8	5	3.7	6.6	7.2	Đ	8.5	5.5	Y	Tb	5.4	Kém	Ở lại lớp
27	10A11	Trần Cao	Quý	4.5	4	3.6	4.2	7.2	4.5	4.2	4.6	2.9	6	6.9	Đ	8.8	5.1	Y	Tb	5.1	Y	Ở lại lớp
28	10A11	Huỳnh Ngọc Yến	Vy	5	4	3.8	5	5.3	5.7	5.3	5	3.5	7.8	7.6	Đ	8.4	5.5	Y	K	5.5	Tb	Được lên lớp
29	10A12	Nguyễn Lâm Minh	Chiến	3.6	5	4.3	5.2	6.7	4.7	4.5	5.3	2.8	8	8.1	Đ	7.6	5.6	Y	K	5.5	Y	Ở lại lớp
30	10A12	Nguyễn Văn	Hiếu	4	6.2	4.3	6.4	7.2	5.3	6.1	5.4	1.9	7.8	7.7	Đ	7.8	5.9	Y	Tb	5.8	Kém	Ở lại lớp
31	10A12	Nguyễn Thị Vân	Khánh	4.3	6.5	4.7	6.5	7.9	6.3	7.1	6.5	3.3	7.8	8.5	Đ	8	6.5	Y	K	6.5	Y	Ở lại lớp
32	10A13	Đào Ngọc Bích	Trâm	0.5	5	4.2	6.9	6.9	6.4	7	5.7	4.7	8.5	9	Đ	8.1	6.3	Y	K	6.1	Kém	Ở lại lớp
33	10A14	Lê Thị Diễm	Quỳnh	4.5	5.2	4.2	5.9	6.2	2.5	5.5	6.5	4.3	8.2	8.9	Đ	8.2	6	Y	K	5.8	Y	Ở lại lớp
34	10A14	Vũ Thị Thanh	Vân	4.2	5.2	4.3	5.1	6.8	3.8	4.1	5.6	3.9	8.6	8.8	Đ	8.3	5.8	Y	K	5.7	Y	Ở lại lớp
35	10A14	Bùi Thị Minh	Thùy	5	5.2	3.7	7.1	7.9	5.7	6.5	7.4	5	8.3	8.5	Đ	7.7	6.4	Y	T	6.5	Tb	Được lên lớp
36	10A15	Lê Thành	Đạt	2.3	0.5	3.5	1.8	5.9	4	5.5	3.5	3.7	5.8	6.9	Đ	7.6	4.4	Y	Tb	4.3	Kém	Ở lại lớp
37	10A15	Quách Đăng	Khởi	3.8	4.3	4.8	5.8	6.1	5.8	5.4	4.9	4	5.9	7.3	Đ	7.8	5.4	Y	Tb	5.5	Tb	Được lên lớp
38	10A15	Huỳnh Nguyễn	Thái	3.9	6	4.8	7.2	6.5	6.4	8.1	7.3	1.7	7.4	7.7	Đ	8.7	6.5	Y	K	6.3	Kém	Ở lại lớp
39	10A15	Trần Thanh	Thảo	2	4.6	4	6.5	6.7	6.4	4.7	4.1	4.5	6.8	7.8	Đ	8	5.6	Y	K	5.5	Y	Ở lại lớp
40	11A1	Trần Thiên	Phúc	6	6.2	1.8	5	6.2	5.6	6.5	4.8	4.3	7.2	6.8	Đ	7.2	5.7	Y	Tb	5.6	Kém	Ở lại lớp
41	11A2	Nguyễn Nhật	Nam	5.8	3.9	3.8	4.5	6.6	4.7	5.9	5.2	5	6.4	5.8	Đ	9.4	5.4	Y	Tb	5.6	Tb	Được lên lớp
42	11A2	Trần Thị Cẩm	Thu	3	4.4	4.8	5.4	6.7	7.2	6.2	6.8	4.4	7	7	Đ	7.5	5.9	Y	K	5.9	Y	Ở lại lớp
43	11A3	Nguyễn Huỳnh Phương	Khanh	3.7	4.3	3.7	3.8	6.3	2.5	4.5	4.6	4.3	6.3	6.7	Đ	7.6	5	Y	Tb	4.9	Y	Ở lại lớp
44	11A3	Nguyễn Thị Thảo	Linh	2.8	4.3	3.8	5.7	7.1	7	5.7	5.8	4.3	7.8	5.9	Đ	8.8	5.7	Y	K	5.8	Y	Ở lại lớp
45	11A4	Nguyễn Chí	Đạt	6.2	4.3	2.5	4.5	4.3	5.7	4.8	5.1	4.2	6.6	6.2	Đ	7.4	5.2	Y	Tb	5.2	Y	Ở lại lớp
46	11A5	Nguyễn Trần Ngọc	Thy	3.9	4.3	4.5	4.6	6.3	5.4	4.2	5.3	6.1	9.2	6.4	Đ	7.8	5.5	Y	Tb	5.7	Tb	Được lên lớp
47	11A7	Tô Thanh Thủy	Tiên	4	6.1	4.6	5.6	5.6	6.2	6.8	6.8	3.7	7.8	6.1	Đ	8.2	5.9	Y	K	6.0	Tb	Được lên lớp
48	11A8	Trần Thành	Đạt	7.1	5.5	4.4	6.9	6	5.4	4.8	5.3	4.2	8.2	6.5	Đ	8.4	5.9	Y	K	6.1	Tb	Được lên lớp

Stt	Lớp	Họ và tên		Kết quả cả năm 2020 - 2021													Điểm	Xếp loại CN		Điểm	XL sau thi lại	KQ sau kiểm tra lại
				Toán	Lý	Hóa	Sinh	Tin	Văn	Sử	Địa	AV	CD	CN	TD	QP	TBCN	HL	HK	TBCN	HL	
49	11A10	Phạm Ngọc	Châu	2.5	5.1	3.6	5.9	6.2	6.4	4.8	6.8	5.1	7.2	6.6	Đ	8.1	5.8	Y	K	5.7	Y	Ở lại lớp
50	11A10	Ngô Minh	Quang	2.5	5	3.9	5	6.7	4.7	5.3	6.2	4.5	7	7.8	Đ	8.5	5.7	Y	K	5.6	Y	Ở lại lớp
51	11A11	Lê Tuấn	Anh	5.5	3.6	3.5	4.8	6.2	5.5	4.2	5	3.5	5	6.7	Đ	7	4.8	Y	K	5.0	Tb	Được lên lớp
52	11A11	Lý Trọng	Nghĩa	6.3	5.7	3.6	5.8	7.9	6.1	5.9	6.7	4.6	6.3	7.3	Đ	6.9	5.8	Y	K	6.1	Tb	Được lên lớp
53	11A11	Nguyễn Trịnh Như	Quỳnh	2.5	4.3	4.1	6.4	7.6	6.2	6.5	6.2	2.2	7.9	6.5	Đ	8.6	5.9	Y	K	5.8	Y	Ở lại lớp
54	11A12	Trịnh Thành	Đạt	4.9	5.2	4	5	5.8	2.5	4.4	4.1	4.7	6.3	7.3	Đ	8.2	5.3	Y	Tb	5.2	Y	Ở lại lớp
55	11A12	Lê Hữu	Hưng	4.1	5.6	4.3	6.4	5.4	5.5	5.9	7.5	4.1	7	7.3	Đ	8.7	5.9	Y	Tb	6.0	Tb	Được lên lớp
56	11A13	Bùi Thị Thu	Phương	3.7	5.4	3	5.7	6.5	5.9	5.5	6.4	4.3	7.9	7.7	Đ	6.8	5.8	Y	Tb	5.7	Y	Ở lại lớp
57	11A14	Châu Cao Quốc	Bảo	3.9	4.8	4.5	4.8	5.2	2.8	5.9	4.6	3.4	8.2	7	Đ	8	5.4	Y	Tb	5.3	Y	Ở lại lớp
58	11A14	Nguyễn Ngọc Tú	Trinh	5.8	5.5	3.7	4.7	5.3	5.5	5.1	4.5	3.6	6.5	7.9	Đ	8.2	5.3	Y	K	5.5	Tb	Được lên lớp
59	11A15	Lê Đào Như	Ngọc	5.8	6.2	4.9	7	7.1	7	6.5	4.6	4.3	8.6	7.6	Đ	8.8	6.3	Y	K	6.5	Tb	Được lên lớp
60	11A15	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	6	6.8	4.9	6.7	6.3	6.9	7.4	6	5.2	8.7	7.6	Đ	8.8	6.5	Y	Tb	6.8	Tb	Được lên lớp
61	11A15	Nguyễn Băng	Thùy	4.3	5.5	4.4	6.8	6.4	6	5.7	4.8	4.1	6.3	7.8	Đ	8.4	5.7	Y	K	5.9	Tb	Được lên lớp
62	11A15	Trần Thị Huyền	Trang	4	5.8	3.9	5.8	5.4	6.5	3.9	5	4	5.5	6.7	Đ	8.2	5.3	Y	Tb	5.4	Tb	Được lên lớp

Lưu ý: - Học sinh ở lại lớp có nhu cầu học lại báo cho văn phòng nhà trường trước 17h00 ngày 4/9/2021 (T.Hải: 0373205285)

- Khi nào đi học lại bổ sung đơn học lại cho văn phòng